

NGHI LỄ TRONG CHU KỲ ĐỜI NGƯỜI CỦA NGƯỜI HÔNG

NGUYỄN THỊ SONG HÀ*

HỒ XUÂN ĐỊNH**

Tóm tắt: Bài viết mô tả các nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Hmông ở Việt Nam hiện nay. Đó là: nghi lễ trong sinh đẻ, nghi lễ chọn bố mẹ nuôi, nghi lễ đặt tên lần thứ hai cho người đàn ông, nghi lễ đám ma. Theo tác giả bài viết, các nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Hmông có sự thay đổi, có mặt tích cực và mặt hạn chế; Nhà nước cần có chính sách phù hợp để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tích cực, hạn chế những hủ tục trong các nghi lễ ấy.

Từ khóa: Nghi lễ trong chu kỳ đời người, sinh đẻ, cưới xin, tang ma, đặt tên, chọn tên.

Cho đến nay, người Hmông ở nước ta vẫn còn lưu giữ nhiều nghi lễ truyền thống trong chu kỳ đời người, mang đậm đặc trưng văn hóa tộc người, song có một số nghi lễ đã được biến đổi cho phù hợp với xã hội hiện tại. Dưới đây là các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời người của người Hmông ở Việt Nam hiện nay.

1. Nghi lễ sinh đẻ

Để chuẩn bị đón một con người ra đời, người Hmông ở tỉnh Điện Biên thường làm lễ cúng *uô nếnh kho (uô nēnhz kho)* cầu mong cho “mẹ tròn, con vuông”. Khi trở dạ, người sản phụ ngồi dưới đất ở cuối giường, đỡ đẻ là mẹ chồng, em gái chồng, chị dâu chồng, chồng hoặc nhờ một phụ nữ trong thôn, bản. Người Hmông quan niệm đỡ đẻ là

việc đơn giản ai cũng làm được, vì vậy họ hay đẻ tại nhà, ít đến trạm xá, trừ những trường hợp đặc biệt. Trong cuộc sống thực tại của người Hmông, có những phụ nữ sắp đến ngày sinh con nhưng vẫn phải đi lao động vất vả trên nương, do đó có trường hợp đã sinh đẻ ngay trên nương.

Trường hợp khó đẻ, theo quan niệm trước đây, người Hmông là do con dâu ăn ở với bố mẹ chồng chưa tốt; vì thế con dâu phải làm lễ bằng cách vái bố mẹ chồng 3 vái, hoặc uống một bát nước nhúng ngón tay trỏ của bố mẹ chồng, hoặc một bát nước giặt ngâm vạt áo của bố mẹ chồng, có như vậy mới dễ đẻ.

(*) Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(**) Thạc sĩ, Ban Dân vận Trung ương.

Ngày nay, những quan niệm này hầu như không còn nữa.

Khi đứa trẻ sinh ra, nếu là trai, nhau thai được chôn cạnh dưới chân cột nóc (*chê đả - ndêx đaz*); nếu là gái, nhau thai chôn dưới gầm giường ngủ của bố mẹ⁽¹⁾.

Người Hmông quan niệm, khi sinh ra, đứa trẻ chưa có linh hồn, mà sau 3 ngày (sáng ngày thứ 3) mới tổ chức làm lễ gọi hồn (*hu pli*). Đây là một lễ lớn của vòng đời con người Hmông, vì nó chính thức thông báo sự ra đời của một thành viên mới trong xã hội. Lễ gọi hồn được tổ chức to hay nhỏ là tùy thuộc vào khả năng kinh tế từng gia đình. Ở gia đình kinh tế khó khăn, quy mô làm lễ gọi hồn có thể chỉ trong phạm vi gia đình cùng một vài gia đình láng giềng. Nhưng với những gia đình có điều kiện kinh tế, khi làm lễ gọi hồn có thể mời các gia đình trong dòng họ hoặc cả bản. Lễ vật là một đôi gà (1 mái, 1 trống), 1 trứng gà, 3 nén hương đặt trên miệng chậu (sọt) gạo, đặt vào ghế kê cạnh cửa chính (có gia đình còn mổ thêm một con lợn khoảng 10 đến 30 kg). Từ sáng sớm, khi mặt trời chưa mọc, lễ gọi hồn đã được tiến hành. Người thực hiện lễ gọi hồn thường là ông bà ngoại, ông nội hoặc mời một người khác trong bản biết gọi hồn để gọi hồn đặt tên cho đứa trẻ. Nội dung gọi hồn là: từ hôm nay giờ này trở đi, đứa bé là thành viên trong gia đình, hồn cháu bé xung hợp với gia đình và trao cho đứa bé chiếc vòng cổ bạc trắng,

chiếc áo sơ sinh để làm khoá giữ hồn ở lại với bố mẹ, anh chị, ông bà, không cho hồn đi lang thang sẽ gây ốm đau bệnh tật⁽²⁾.

Sau gọi hồn đặt tên cho đứa trẻ, chủ nhà lại làm *phì* (*phix - phi cá nhénh*). Chủ nhà để một bàn ở ngoài thềm cửa chính, đặt trên bàn 2 hoặc 4 chén rượu, 4 chùm giấy, 3 nén hương, một đôi gà (1 trống, 1 mái) còn sống với ý từ nay có đứa trẻ là thành viên của gia đình, của dòng họ nên gia đình có rượu, gà cảm ơn các thần linh và yêu cầu các thần linh bảo vệ và phù hộ đứa trẻ chóng lớn, không ốm đau. Khi gà, trứng, cơm được nấu chín, chủ nhà lại gọi hồn và *phì* lần hai để đốt giấy bản mời các thần linh, các loại ma uống rượu, ăn thịt để bảo vệ đứa trẻ.

Gọi hồn và *phì* xong, thầy gọi hồn mời một số người, thường là những người cao tuổi đến xem chân gà, đầu gà, mắt gà, lưỡi gà để đoán may, rủi của gia đình và đứa trẻ. Sau đó tiệc rượu được bày ra, mọi người vừa ăn uống, vừa chúc mừng. Những khách không mời mà đến gặp lễ gọi hồn là số may mắn cho đứa trẻ, họ sẽ buộc chỉ vào cổ hoặc

⁽¹⁾ Người Hmông quan niệm con trai sau này sẽ là trụ cột của gia đình; con gái sau này sẽ là người nuôi dạy con cái, nội trợ gia đình.

⁽²⁾ Ở một số nơi trong tỉnh Điện Biên, tùy theo dòng họ Hmông, khi đứa trẻ tròn 1 tháng, gia đình tổ chức mời thầy mo đến cúng *sấu mê nhụa* (*uô nénh - uô nênhz*), lúc này thầy mo mới lấy vòng bạc đeo vào cổ đứa trẻ.

cổ tay đưa trẻ và có lời cầu chúc đứa trẻ chóng lớn, không bệnh tật, sau này sẽ thành người có ích cho xã hội...

Nếu chẳng may đứa trẻ sinh ra chưa kịp làm lễ gọi hồn đặt tên mà chết, khi đem chôn, không được đi qua cửa chính, phải dỡ tháo ván nhà để tạo lối đưa đi, vì đồng bào quan niệm lúc này đứa trẻ chưa có linh hồn nên chưa phải thành viên chính thức của gia đình và dòng họ.

2. Nghi lễ chọn bố mẹ nuôi (chí khúa - txir kruôr)

Khi đứa trẻ hay đau ốm, gia chủ làm lễ nhận bố mẹ nuôi để đỡ đầu, phù hộ, che chở cho con. Khi chọn được ngày lành tháng tốt, người bố vào rừng chọn một cây to có ngọn nguyên vẹn và bẻ ra từng mảnh làm một cái cầu bắc ở ngã ba đường hoặc những khe suối nhỏ có đường đi qua vào bản. Sau khi cầu khẩn, người bố nấp vào nơi kín chờ có người đi qua. Người đầu tiên đi qua chiếc cầu đó sẽ được nhận là bố mẹ nuôi của đứa trẻ. Người này được mời dắt tay hoặc bế đứa trẻ đi qua cầu và buộc chỉ vào cổ tay đứa trẻ; đồng thời nói những câu phù hộ che chở, chúc đứa trẻ sẽ không ốm yếu, không quấy rối bố mẹ, chóng lớn, học giỏi và tặng cho đứa trẻ ít tiền. Đứa trẻ lúc này được lấy họ của bố mẹ nuôi làm tên gọi mới. Có một số gia đình người Hmông chọn bố mẹ nuôi cho đứa trẻ theo hướng dẫn của thầy cúng. Tiêu chuẩn chọn bố mẹ nuôi cho đứa trẻ phải là người khoẻ mạnh, gia đình hoà thuận,

làm ăn phát đạt,...

Ngoài lễ chọn bố mẹ nuôi, khi vợ chồng lấy nhau vài năm nhưng chưa có con, người Hmông thường cúng nhà cầu phúc (*tuôv qox tuz ci*) để đón hồn đứa trẻ về với đôi vợ chồng trẻ.

3. Nghi lễ đặt tên lần thứ hai cho người đàn ông

Người đàn ông Hmông Trắng, Hmông Hoa (Hmông Lènh) thường có tên thứ hai (tên đệm), đặc biệt người Hmông ở tỉnh Điện Biên không thể thiếu nghi lễ này. Người Hmông quy định, tên thứ hai cho người đàn ông được đặt sau khi cưới vợ hoặc sau khi có con đầu lòng. Lễ đặt tên thứ hai (*tì pè lầu*) ở mỗi vùng trong tỉnh Điện Biên có khác nhau đôi chút. Ví dụ, ở một số vùng của thị xã Mường Lay, khi gọi hồn đặt tên cho đứa con mới sinh, gia đình kết hợp làm lễ đặt tên thứ hai cho bố đứa trẻ; nhưng ở một số vùng huyện Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông, sau khi sinh con đầu lòng, gia chủ phải nuôi 1 đến 2 con lợn khoảng 60 kg trở lên mới sang mời bố mẹ vợ đến gọi hồn đặt tên đệm cho con rể.

Lễ vật để đặt tên thứ hai gồm một đôi gà (1 trống, 1 mái), 1 quả trứng đặt lên trên miệng bát gạo và thắp vài nén hương. Lễ vật được đặt lên chiếc ghế kê ở cửa chính, gia chủ mời một người đại diện bố mẹ bên vợ ra gọi hồn; mổ 1 hoặc 2 con lợn, biếu bố mẹ vợ một nửa con lợn, phần còn lại để làm lễ⁽³⁾.

Tên thứ hai được chọn phải thuận theo ý lựa chọn của đôi âm dương (*chủ của - truv cuôv*). Nếu tìm được tên thứ hai, người ta tung đôi âm dương xuống đất, nếu đôi âm dương chưa nhất trí thì phải tìm chọn tên khác và tiếp tục tung. Cứ như thế, khi nào đôi âm dương nhất trí thì tên thứ hai sẽ được dùng để gọi từ đó⁽⁴⁾.

Việc bày tiệc uống rượu đặt tên đệm cũng phải theo lý lẽ trật tự, thường là bày cỗ 3 lần: bữa sáng (com, nước nguội), bữa chính và bữa tiễn đưa. Trong bữa sáng và bữa tiễn đưa, mọi người thường chỉ uống 6 chén rượu to, 1 sừng bò và kèm theo 1 chén nhỏ. Nhưng trong bữa chính (*pia thà - Piav thax*), mỗi người ít nhất phải uống 9 chén rượu to, 1 sừng bò và 1 chén nhỏ. Mọi người đến dự ăn uống vui vẻ, chúc tụng sức khoẻ và tặng quà cho người được đặt tên đệm.

4. Nghi lễ đám ma

Người Hmông quan niệm thế giới có 3 tầng: tầng trên trời là thế giới tổ tiên ở; tầng giữa là thế giới con người (trần gian); tầng dưới lòng đất là địa ngục, âm phủ. Con người có 3 linh hồn (*pli*), khi chết, 3 linh hồn sẽ lìa khỏi xác đi 3 nơi khác nhau. Linh hồn gốc đi sang thế giới của tổ tiên và sống với hồn gốc của tổ tiên. Linh hồn thứ hai sẽ đi đầu thai sống ở trần gian. Nếu khi sống, con người làm nhiều điều tốt thì hồn sẽ đầu thai làm lại người. Ngược lại khi sống, con người

làm nhiều điều ác sẽ đầu thai thành súc vật để phục vụ con người. Linh hồn thứ ba là hồn gác mộ. Hồn này thường xuyên liên hệ chặt chẽ với con cháu, phù hộ hoặc quấy nhiễu con cháu, do đó con cháu phải cúng, làm lễ cho hồn này.

Khi có người vừa tắt thở, gia đình báo tin cho anh em họ hàng gần xa và bà con trong bản⁽⁵⁾. Tiếp đó, anh em trong gia đình, dòng họ họp bàn phân công con cháu trong nhà đi mời thầy cúng (*tour cé*) chỉ đường (*hu gâu - hu gâu*); đội kèn trống cử người làm chủ tang (*cá sự, chúa trá - chuôz trar*) và thống nhất cách thức tiến hành. Người nhà nấu nước tắm, cắt một miếng vải lanh mới làm khăn rửa mặt, tắm và thay quần áo váy mới cho người chết. Người chết dù là nam giới cũng phải mặc trang phục nữ ở ngoài. Sau đó, người chết được buộc lại cẩn thận để nằm trên một tấm phản kê gần bếp lò cạnh cột chính giữa và quay đầu vào cột chính, chân quay ra cửa phụ hoặc quay ra bàn thờ *xư cang* (tùy từng dòng họ). Mời ông *tour cé* đọc

(3) Khi nào bố mẹ bên vợ chuẩn bị được lợn, rượu thì mời con rể và con gái đến *phì mênh* (*phix mêngh*) mổ lợn làm lý và cũng cho đôi vợ chồng trẻ một nửa con lợn.

(4) Tên đệm thường đặt ở vị trí giữa họ và tên, ví dụ tên khai sinh là Mùa A Páo, khi đặt tên đệm là Dũng thì gọi là Mùa Dũng Páo.

(5) Trước đây, gia đình có người chết phải bắn 3 phát súng kíp báo hiệu cho dân bản, họ hàng gần xa và ông trời biết. Hiện nay, đa số người Hmông tỉnh Điện Biên sử dụng điện thoại di động để báo tin.

bài chỉ đường về với tổ tiên (*kruôzê*), xong đến lượt thầy khèn thổi bài khèn tắt thở (*kênh tu siar*). Thời gian chỉ đường và thổi bài khèn tắt thở khoảng 2 đến 3 tiếng đồng hồ. Sau đó người ta treo khèn trên bức vách ngăn buồng ngủ của chủ nhà với xà cột chính, treo trông vào một thanh gỗ bắc qua xà nhà cột chính gần với bếp nấu (bếp lò). Sau thời gian nghỉ, thầy khèn lại thổi bài lên ngựa (*tra nênh*) hay bài khèn liêm (*dư sá*). Tiếp đó, người chết được chuyển lên một cái giá đỡ gọi là ma ngựa (*nênh đá*) ở chính gian giữa bàn thờ *xư cang* (gọi là lễ tra nênh - tra nênhk). Hiện tại, một số gia đình trong lễ *tra nênh* đã cho người chết vào áo quan và cũng đặt ở vị trí như trên cho mọi người đến thăm viếng. Người chết được để tang từ 2 đến 5 ngày⁽⁶⁾ tùy tuổi thọ, vai vế và kinh tế gia đình.

4.1. Lễ đuổi giặc ma (tra trò): Nghi lễ đuổi giặc ma được tiến hành mỗi ngày 3 lần (sáng, trưa, chiều). Người ta tổ chức đội hình như đội hình ra trận, có từ 2 đến 5 người (có nơi từ 5 đến 7 người), một người thổi tù và đi trước (có nơi thổi khèn), một người cầm nỏ, 1 người cầm mác, 1 người cầm kiếm và 1 người cầm lá chắn,... Mỗi lần đội hình này chạy xung quanh nhà 7 vòng đi và 7 vòng về (nếu người chết là nam), 9 vòng đi và 9 vòng về (nếu người chết là nữ). Mỗi lần đội chạy đến cửa chính, cửa phụ, người ta thổi lên 3 hồi tù và,

đâm mác, chém đại đao, phang phạt kiếm; thầy đánh trống đánh từng hồi; thầy khèn trong nhà cũng vừa thổi, vừa nhảy, vừa chạy. Điều đó đã gây không khí náo động tượng trưng cho việc chiến đấu với đuổi giặc ma đến quấy rối hồn người chết; đồng thời cũng là sự mô phỏng việc tổ tiên, cha ông người Hmông xưa kia khi còn sống luôn bị giặc đánh phá cướp nước, cướp đất, bị giết chóc,... họ đã chiến đấu chống lại quyết liệt, nhưng nhiều lần đã bị đánh bại. Vì lẽ đó, nay chết đi, người sống vẫn lo cho người chết hồn không được yên nghỉ. Nghi lễ này ở mỗi vùng, mỗi dòng họ, mỗi ngành Hmông có đôi chút khác nhau, song về nội dung, ý nghĩa thì giống nhau.

4.2. Lễ viếng:

Người Hmông rất coi trọng lễ viếng. Lễ viếng chính (*kruô txuk tò kruô*) thường được tổ chức vào trước ngày đưa tang. Trong đám tang người Hmông, ngày viếng (*kruô txuk*) là ngày đông nhất; anh em, con cháu bên nội ngoại, bạn bè thân quen đều đến đông đủ. Anh em, con cháu, họ hàng bên nội được coi là tang chủ (*sỏ chúa - shov chuôz*) có trách nhiệm cầm hương đứng

⁽⁶⁾ Trước đây, người chết thường được để tang từ 6 đến 7 ngày, thậm chí có đám để kéo dài 9 ngày, kèm theo một số thủ tục lạc hậu tốn kém, nhưng hiện nay chỉ làm lễ viếng trong khoảng 2 đến 5 ngày và nhiều gia đình đã liệm người chết ngay trong nhà lúc làm lễ *tra nênh*.

hoặc quỳ ở ngoài cửa chính để chào đón và làm lễ cảm ơn các đoàn vào viếng người chết.

Số người trong danh sách được tang chủ mời đến phúng viếng được ban lễ tang và tang chủ tới nhà mời trực tiếp và phải có 2 con gà luộc chín, một ít cơm gói cùng gan gà, 2 chai rượu (có nơi 3 chai), 1 mảnh vải khoảng 2m, 1 tờ giấy bản cắt thành chùm, thành nhiều nhánh (*nxuô ntour*) và một ít tiền. Nếu gia đình được mời trực tiếp có điều kiện kinh tế và ở gần nhà người chết có thể đem 1 *lu cở* (*uô kỳ*) thóc, 1 con lợn khoảng 10 đến 20 kg đến viếng. Riêng với bà cô, ông cậu (*túa đá, chuố trá - chuôz trar*), ngoài một số lễ trên, nhất thiết phải có 1 con lợn khoảng 20 đến 30 kg và mời 2 đến 3 người cùng đi để đeo *lu cở*, thổi kèn dẫn đoàn.

Khi đến gần nhà người chết, đoàn phúng viếng dừng lại tìm 1 người đeo hộ *lu cở* dựng đồ lễ viếng, đem tờ giấy bản treo vào 1 cái que để cầm giơ lên cao và đi vào viếng⁽⁷⁾. Nếu đoàn phúng viếng có thầy thổi kèn dẫn đường thì thầy kèn tang chủ thổi kèn ra đón ngoài cửa chính rồi cùng thổi vào nhà. Những người đến viếng đi sau người thổi kèn và đến trước mặt người đến đón (*só chúa*) thì đầu cúi và cầm tay nhau đi vào cạnh người chết tỏ lòng thương tiếc.

4.3. Lễ thổi kèn:

Trong đám ma người Hmông nếu

thực hiện đầy đủ các nghi lễ của một đám tang thì các bài kèn chính cũng phải được thể hiện đầy đủ gồm: bài kèn tắt thở (*kênh tu sía*); bài kèn đỡ chõng (*kênh dờ lán - zowk lar*) dành cho những người đau ốm lâu ngày; bài kèn lên ngựa (*tra nênh*); bài kèn tra trò; bài kèn *hu gầu*; bài kèn bữa sáng, trưa, tối (*kênh yail, kênh xu, kênh hmo*); bài kèn *lỏ xá lỏ hmo* (*nống txur*); bài kèn chào đón (*to khua*) những người đến phúng viếng; bài kèn đến thăm người chết (*kênh sùu sêu - shuôs sêu*); bài kèn đốt giấy (*kênh lỏ tở - hlour ntour*); bài kèn đưa người chết ra ngoài (*yuv yar*); bài kèn lên đường (*só cế*).

Bắt đầu từ bài kèn lên ngựa, phải đánh trống kèm với thổi kèn⁽⁸⁾. Ngày nay, hầu hết các gia đình khi có người chết không thổi đầy đủ các bài kèn trên, mà chỉ chọn một vài bài để thổi trong đám ma.

Đám ma những người già trong những gia đình khá giả thường tổ chức lễ *trông nênh* và hát *chí sáy* kể lại công ơn của người chết với con cháu, kể lại nguồn gốc người chết với tổ tiên, dạy bảo con cháu cách làm ăn, làm mặc, cách sống, cách làm người...⁽⁹⁾. Lễ *trông*

⁽⁷⁾ Trước đây, đoàn người tới viếng phải bắn 3 phát súng báo hiệu là có đoàn đến phúng viếng; bên tang chủ cũng bắn 3 phát súng đáp để chào đón. Hiện nay, nghi thức này không còn nữa.

⁽⁸⁾ Người Hmông tỉnh Điện Biên quan niệm trống là nam (chàng trai - *txir txâuuk đruók*), kèn là nữ (nàng gái - *Muôv gâuuk kênhx*).

ntênh thường tổ chức vào buổi đêm trước ngày chôn (*kruô txurk*), thường bắt đầu từ 20, 21 giờ đêm và kéo dài đến 4, 5 giờ sáng. Hai ông hát *chí sáy* là trưởng và phó ban lễ tang. Khi hai ông hát, con cháu tang chủ phải quỳ gối xuống đất (*sỏ-shov*), nghe hát xong một đoạn thì vái và cúi lạy một lần.

4.4. Lễ đưa người chết ra ngoài (*yuv yar*):

Trước khi đem đi chôn, người chết được khiêng ra khỏi nhà, chân đi trước⁽¹⁰⁾. Khi qua cửa chính, người chết được đặt nằm trên chiếc sàl làm sẵn ngoài bãi trống, vị trí này phải hoàn toàn mới chưa có đám nào đặt ở đây. Chung quanh chỗ đặt người chết, người ta cắm lá xanh, phía trên có giàn che sương nắng. Tại đây, nghi lễ chính là dâng hiến các lễ vật cho người chết. Ông trưởng tang chủ làm lễ dâng hiến từng con vật. Ông buộc một sợi dây từ quan tài nối với con vật được dâng tế⁽¹¹⁾, đọc bài tế, rồi cứ thế lần lượt mổ từng con vật; đồng thời, con cháu, người thân khóc lóc, trống được gõ liên hồi, người thổi khèn vừa thổi, vừa nhảy vòng quanh người chết. Lễ này thường kéo dài từ sáng cho đến 14 giờ chiều, người ta nấu cơm và tổ chức ăn uống tại bãi trống đó cho những người đưa ma. Ngày nay, một số nơi đồng bào đã cải tiến và tổ chức ăn xa chỗ để người chết⁽¹²⁾.

4.5. Lễ chôn cất (*hạ huyết*):

Chọn giờ tốt, trưởng tang chủ cúng bài

đưa người chết đi chôn, người ta đánh trống và thổi bài khèn tiễn biệt lên đường. Những thanh niên khoẻ mạnh được chọn để giúp những người đại diện cho bà cô, ông cậu, trưởng tang chủ khiêng người chết đến nơi chôn cất.

Khi hạ quan tài xuống huyết, một người được phân công mang hồn tất cả những người sống về nhà trước vì sợ hồn của họ đi theo người chết, bằng cách mang một nắm đất trên mộ để ở đuôi áo đằng sau, trên đường đi về nhà người đó không được nhìn lại phía sau để tránh việc hồn sẽ quay trở lại huyết với người chết.

Trước khi lấp đất vào quan tài, trưởng tang chủ mở nắp quan tài 3 lần và nói: “nhìn trời, nhìn đất cuối hết một đời”. Hiện nay, một số nơi trong tỉnh Điện Biên, đồng bào Hmông không thực hiện nghi lễ này nữa.

Việc đắp mộ cũng tùy thuộc ở từng

⁽⁹⁾ Lễ này chỉ tổ chức đối với người già chết có con cháu đã có gia đình có con. Còn người chết chưa có vợ con hoặc có vợ nhưng chưa có con lớn thì không tổ chức.

⁽¹⁰⁾ Một vài dòng họ đưa người chết ra khỏi nhà từ mờ sáng.

⁽¹¹⁾ Trước đây, người chết được đặt trên cáng để khiêng ra huyết và quan tài được ghép sẵn dưới huyết nên người ta buộc sợi dây vào tay người chết nối với con vật dâng tế.

⁽¹²⁾ Riêng một số nhánh của họ Lầu, họ Mùa (Lầu po, Mùa po - Lâux pok, muôk pok) không đưa người chết ra ngoài mà làm lễ hiến tế ngay trong nhà, con vật hiến tế được nối bằng sợi dây từ ngoài vào với người chết. Mọi thủ tục giết mổ vật hiến tế như nhau.

dòng họ, nhánh, ngành Hmông. Có dòng họ chỉ đắp mộ bằng đất; có dòng họ xếp đất đá theo từng bậc, đàn ông xếp 7 bậc, đàn bà xếp 9 bậc. Chôn người chết xong, mọi người về nhà, đến ngoài cửa chính người ta đặt một chậu nước và một thanh củi đang cháy, mọi người phải rửa tay và bước qua thanh củi đó mới được vào nhà để đề phòng hồn ma người chết bắt hồn người đang sống đi theo.

4.6. Lễ cúng cơm 3 ngày (ma xi hoặc *tourv yaik*):

Sau khi người chết được chôn cất, trong 3 ngày đầu, mỗi ngày gia chủ một lần đem cơm cúng ra mộ. Có dòng họ ngày thứ nhất đem cơm đến 1/3 đường, ngày thứ hai mang đến 2/3 đường và ngày thứ 3 thì đem đến mộ và tổ chức sửa đắp lại mộ (kê xếp đá, rào mộ). Có nơi, có dòng họ, buổi sáng thứ nhất đón hồn người chết về đến 1/3 đường, buổi sáng ngày thứ hai đón hồn người chết về đến 2/3 đường, buổi sáng ngày thứ 3 sau khi sửa đắp lại mộ, kê xếp đá, rào mộ xong thì đón hồn người chết về cúng cơm tại nhà. Đồ lễ đi đón người chết về là ba ống tre hoặc ống trúc nhỏ đã đổ đầy rượu, cơm và treo lên cành cây nhỏ ở cạnh đường. Sau đó, trong các bữa ăn chính của gia đình thường để bát, thìa trong mâm - phần cho người chết, đến khi làm lễ thả hồn xong thì thôi.

4.7. Lễ thả hồn (*tro pli*):

Đây là lễ nhất thiết phải làm với quan niệm đón hồn người chết về lần cuối cùng để thăm gia đình, con cháu, anh em, họ hàng; để nhận các vật cúng tế, sau đó tiễn hồn đi để đầu thai sang kiếp khác. Thường sau tang lễ 13 ngày, nếu gia đình nào có điều kiện thì tiến hành làm lễ thả hồn. Cũng có gia đình khó khăn nên hàng năm sau mới làm lễ này.

Để thực hiện lễ thả hồn, người ta làm 1 cái *cầu vá*⁽¹³⁾. Sáng sớm ngày thứ 13 sau tang lễ, gia đình người chết cử một người ra mộ đón hồn người chết về nhập với *cầu vá*. Ở nhà mời ông cậu đến bê *cầu vá* (nếu người chết là nữ), mời chồng bà cô đến bê *cầu vá* (nếu người chết là nam). Người thổi khèn đi trước, người bê *cầu vá* đi theo sau, cách nhà khoảng 100 đến 300 m thì dừng lại đặt *cầu vá* ở đó và cắm que cọc hai bên, mỗi con chó và chắt 4 chân chó cắm vào que, lấy gan chó nướng để cúng đón hồn người chết. Khi cúng xong ở dọc đường, đoàn rước về nhà, đi quanh bếp 3 lần rồi đặt *cầu vá* cạnh cột chính để cúng. Khi cúng xong ở cột chính, *cầu vá* lại được

⁽¹³⁾ Đó là một cái mẹt cũ đặt xuống đất, sau đó lấy thanh tre hoặc trúc vót nhỏ cắm lên mẹt uốn cong thành hình người. Đầu được cuốn vải lanh đen tượng trưng cho đầu người, vùng tròn uốn cong được khoác lên một tấm áo nếu người chết là nam thì lấy áo nam khoác lên, nếu người chết là nữ thì lấy áo nữ khoác lên, đứng xa nhìn giống hình một người ngồi khom, đầu cúi thấp, tượng trưng cho hình nhân đã chết. Trên mẹt đặt 3 - 4 chiếc bánh dày.

đặt gian giữa bàn thờ *xử cang* để cúng tiếp. Vật để cúng tế lần này là 1 con lợn khoảng 30 đến 60 kg. Đến chiều, khi các thủ tục cúng và các bài khấn trống đã thực hiện xong, *cầu vá* được đưa ra vị trí đón buổi sáng để cúng tiễn biệt lần cuối, sau đó chia bánh dày. Tiếp đó, người ta lột áo hình nhân ra và dựng *cầu vá* đứng rồi đẩy lăn đi. Nếu *cầu vá* đổ xuống và nằm sấp thì hồn người chết nhất trí đi; nếu *cầu vá* nằm ngửa là hồn chưa muốn đi, người lăn *cầu vá* lại phải uống rượu và lại đẩy nó lăn đi đến khi nào *cầu vá* đổ xuống và nằm sấp thì mọi người mới được ra về.

4.8. Lễ cúng ma bò (nhùx đá):

Lễ cúng ma bò còn gọi là lễ ma khô. Khi nào các con của người chết có điều kiện nuôi được bò hoặc có tiền mua bò thì bắt đầu làm lễ ma bò cho bố mẹ. Cách thức làm cũng tương tự như làm lễ thả hồn và lễ cúng ma buồng nhưng con cháu thường không khóc, lễ vật là 1 con bò to hay nhỏ tùy ý. Lễ này có thể còn được tổ chức do bố hoặc mẹ đã chết về đòi con cháu cho bò thông qua việc con cháu trong gia đình có người ốm yếu, hoặc nằm mơ, hoặc do thầy mo, thầy cúng xem trúng thì cũng phải làm ma bò.

5. Một số nhận xét

Nghi lễ truyền thống trong chu kỳ đời người của người Hmông ở Việt Nam mang những nét riêng, đặc sắc trong văn

hóa tộc người. Bản sắc văn hoá truyền thống đó hiện nay cơ bản vẫn được người Hmông giữ gìn và thực hành.

Người Hmông vốn sống tập trung chủ yếu ở những vùng núi cao, giao thông đi lại khó khăn, nền kinh tế tự cung tự cấp. Hiện nay đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của người Hmông đã thực sự được cải thiện, nâng lên một bước. Do vậy, trong thực hiện các lễ nghi trong chu kỳ đời người của người Hmông đã có những biến đổi. Một số nghi lễ rườm rà, hủ tục lạc hậu, gây tốn kém thời gian và tiền bạc, không còn phù hợp với xã hội hiện tại. Cụ thể như, khi một phụ nữ Hmông khó đẻ, người nhà đã đưa đến cơ sở y tế chứ không phải thực hiện lễ bằng cách vái bố mẹ chồng 3 vái, hoặc cho sản phụ uống một bát nước nhúng ngón tay trỏ của bố mẹ chồng, hoặc một bát nước giặt ngâm vạt áo của bố mẹ chồng. Ở một số nơi, đồng bào chỉ quản xác người chết từ 2 đến 5 ngày (trước kia từ 7 đến 9 ngày); liệm người chết trong áo quan; tổ chức ăn uống xa chỗ để người chết; không bắn súng kíp trong tang ma (mà thay vào đó là đánh trống hoặc thổi tù và, những năm gần đây là gọi điện thoại di động) để báo tin đến họ hàng, thôn bản,...

Tuy nhiên, trong hệ thống nghi lễ, tín ngưỡng truyền thống của người Hmông hiện nay vẫn còn những hủ tục lạc hậu, lỗi thời không còn phù hợp với cuộc

sống hiện tại, thậm chí cản trở sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Bên cạnh đó, trong tộc người Hmông hiện nay đang có nguy cơ tiềm ẩn là sự mất dần những giá trị văn hoá độc đáo của cha ông ngàn đời tích lũy được. Đó là bộ phận người Hmông khi theo đạo Tin Lành đã phủ nhận sạch trơn tín ngưỡng truyền thống do cha ông ngàn đời để lại, không còn thờ cúng tổ tiên, bỏ nghi lễ và niềm tin vào các thần bảo hộ; những bài ca giao duyên, những điệu múa khèn, sáo, nhị, kèn lá, đàn môi đã và đang bị lãng quên dần.

Từ thực tiễn nêu trên, Nhà nước cần ban hành những chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp với đặc điểm, tình hình dân tộc Hmông. Trong đó, cần có chính sách bảo tồn, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp, đặc sắc và loại bỏ dần những hủ tục không còn phù hợp trong hệ thống nghi lễ truyền thống nói chung, nghi lễ chu kỳ đời người Hmông nói riêng; đáp ứng được nhu cầu văn hóa, tinh thần, tín ngưỡng, tâm linh của đồng bào.

Tài liệu tham khảo

1. Bế Viết Đăng (1984), *Dân tộc Mèo trong Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (các tỉnh miền núi phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Emily A.Schultz và Robert H.Lavenda (2001), *Nhân học Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Guy Morechand (1955), *Những đặc điểm chủ yếu của thuật saman của người Mèo Trắng ở Đông Dương*, bản dịch tư liệu, Lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
4. Guy Morechand (1968), *Thuật Sa man của người Hmông*, Bản dịch tư liệu, Lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
5. Phạm Quang Hoan (2001), “Lễ cưới của người Hmông Trắng huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 6.
6. Phạm Quang Hoan (2012), *Văn hóa các tộc người vùng lòng hồ và vùng tái định cư thủy điện Sơn La*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Trường Lưu - Hùng Đình Quý (1996), *Văn hoá dân tộc Mông Hà Giang*, Sở Văn hoá Thông tin Hà Giang.
8. Hoàng Xuân Lương (2000), *Văn hoá người Hmông ở Nghệ An*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
9. Vương Duy Quang (1987), “Quan hệ dòng họ trong xã hội người Hmông”, Tạp chí *Dân tộc học* số 2 -1987.
10. Savina F.M, (1924), *Lịch sử người Mèo*, Hồng Kông, Bản dịch lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
11. Thào Seo Sinh - Phan Xuân Thành - Phan Thanh (1999), *Từ điển Việt - Mông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hoá Hmông*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
13. Cư Hoà Vần, Hoàng Nam (1994), *Dân tộc Mông ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

